

Số: 757 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn (đợt 8)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 20/2/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 84 lô đất ở tại Khu OLK-01, Khu OLK-04 và Khu OLK-05 thuộc Khu dân cư phía Bắc Nhà ở xã hội Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 8);

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 84 lô đất ở tại Khu OLK-01, Khu OLK-04 và Khu OLK-05 thuộc Khu dân cư phía Bắc Nhà ở xã hội Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn (đợt 8);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 82/TTr-STC ngày 05/3/2024 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ngày 01/3/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn (đợt 8); chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở nêu trên theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TP, XD, KH&ĐT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND TP Quy Nhơn;
- PVP TH;
- Lưu: VT, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

DANH SÁCH 84 LÔ ĐẤT Ở TẠI KHU OLK-01, KHU OLK-04 VÀ KHU OLK-05 THUỘC KHU DÂN CƯ PHÍA BẮC NHÀ Ở XÃ HỘI, PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm phê duyệt (đồng/m2)	Ghi chú
I	Khu OLK-01	20	2.304,00				
1	OLK01-1	1	176,00	Đường ĐS1	16	18.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	OLK01-2	1	105,00	Đường ĐS7	16	15.000.000	
3	OLK01-3	1	105,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
4	OLK01-4	1	105,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
5	OLK01-5	1	105,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
6	OLK01-6	1	176,00	Đường ĐS1	16	19.200.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
7	OLK01-7	1	95,00	Đường ĐS6	20	16.000.000	
8	OLK01-8	1	95,00	Đường ĐS6	20	16.000.000	
9	OLK01-9	1	95,00	Đường ĐS6	20	16.000.000	
10	OLK01-10	1	95,00	Đường ĐS6	20	16.000.000	
11	OLK01-11	1	95,00	Đường ĐS6	20	16.000.000	
12	OLK01-12	1	95,00	Đường ĐS6	20	16.000.000	
13	OLK01-13	1	95,00	Đường ĐS6	20	16.000.000	
14	OLK01-14	1	95,00	Đường ĐS6	20	16.000.000	
15	OLK01-15	1	176,00	Đường ĐS3	26	21.600.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
16	OLK01-16	1	105,00	Đường ĐS6	20	18.000.000	
17	OLK01-17	1	105,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
18	OLK01-18	1	105,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
19	OLK01-19	1	105,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
20	OLK01-20	1	176,00	Đường ĐS3	26	21.600.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
				Đường ĐS7	16		
II	Khu OLK-04	32	3.434,00				
1	OLK-04-1	1	144,50	Đường ĐS1	16	18.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	OLK-04-2	1	102,00	Đường ĐS9	16	15.000.000	
				Đường ĐS1	16		

27

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm phê duyệt (đồng/m2)	Ghi chú
3	OLK-04-3	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
4	OLK-04-4	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
5	OLK-04-5	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
6	OLK-04-6	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
7	OLK-04-7	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
8	OLK-04-8	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
9	OLK-04-9	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
10	OLK-04-10	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
11	OLK-04-11	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
12	OLK-04-12	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
13	OLK-04-13	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
14	OLK-04-14	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
15	OLK-04-15	1	102,00	Đường ĐS1	16	15.000.000	
16	OLK-04-16	1	144,50	Đường ĐS1 Đường ĐS7	16 16	18.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
17	OLK-04-17	1	144,50	Đường ĐS2 Đường ĐS7	14 16	18.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
18	OLK-04-18	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
19	OLK-04-19	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
20	OLK-04-20	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
21	OLK-04-21	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
22	OLK-04-22	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
23	OLK-04-23	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
24	OLK-04-24	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
25	OLK-04-25	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
26	OLK-04-26	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
27	OLK-04-27	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
28	OLK-04-28	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
29	OLK-04-29	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
30	OLK-04-30	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
31	OLK-04-31	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
32	OLK-04-32	1	144,50	Đường ĐS2 Đường ĐS9	14 16	18.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm phê duyệt (đồng/m2)	Ghi chú
III	Khu OLK-05	32	3.434,00				
1	OLK-05-1	1	144,50	Đường ĐS2	14	18.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	OLK-05-2	1	102,00	Đường ĐS9	16	14.000.000	
3	OLK-05-3	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
4	OLK-05-4	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
5	OLK-05-5	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
6	OLK-05-6	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
7	OLK-05-7	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
8	OLK-05-8	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
9	OLK-05-9	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
10	OLK-05-10	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
11	OLK-05-11	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
12	OLK-05-12	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
13	OLK-05-13	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
14	OLK-05-14	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
15	OLK-05-15	1	102,00	Đường ĐS2	14	14.000.000	
16	OLK-05-16	1	144,50	Đường ĐS2	14	18.000.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
17	OLK-05-17	1	144,50	Đường ĐS7	16	21.600.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
18	OLK-05-18	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
19	OLK-05-19	1	102,00	Đường ĐS7	16	18.000.000	
20	OLK-05-20	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
21	OLK-05-21	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
22	OLK-05-22	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
23	OLK-05-23	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
24	OLK-05-24	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
25	OLK-05-25	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
26	OLK-05-26	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
27	OLK-05-27	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
28	OLK-05-28	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
29	OLK-05-29	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
30	OLK-05-30	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm phê duyệt (đồng/m2)	Ghi chú
31	OLK-05-31	1	102,00	Đường ĐS3	26	18.000.000	
32	OLK-05-32	1	144,50	Đường ĐS3 Đường ĐS9	26 16	21.600.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
Tổng cộng		84	9.172,00				